

COMPARING TEACHERS' VIEWPOINTS OF CLASSROOM MANAGEMENT STYLES WITH STUDENTS' FEELINGS AT HANOI LAW UNIVERSITY

Vu Van Tuan*, Nguyen Thi Huong Lan

Hanoi Law University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	27/5/2022	Good classroom management is an extremely important task for teachers because it directly affects student learning outcomes. Quantitative descriptive study through the survey method by using 5-level Likert closed-ended questionnaire survey method was carried out at Hanoi Law University to compare the views of lecturers on classroom management styles and their perceptions of students about 4 styles of classroom management, namely authoritarian, collaborative, democratic, and laissez-faire styles. The results show that there was a contradiction in the view of authoritarian management. Specifically, teachers disliked the authoritarian style but students hold a neutral stance. There were similarities in the collaborative and democratic management styles. However, the completely opposite viewpoint was acknowledged in the laissez-faire management. Although teachers would like to delegate the autonomy and rights to students in learning activities and the learning outcomes, students disagreed with this perspective and believed that teachers should bear the responsibilities in monitoring student success in academic outputs. Collaborative learning style is highly appreciated by students.
Revised:	14/6/2022	
Published:	14/6/2022	
KEYWORDS		
Classroom management style		
Higher education		
Authoritarian style		
Democratic style		
Autonomy		

SO SÁNH QUAN ĐIỂM CÁCH QUẢN LÝ LỚP HỌC CỦA GIẢNG VIÊN VỚI CẢM NHẬN SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Vũ Văn Tuấn*, Nguyễn Thị Hương Lan

Trường Đại học Luật Hà Nội

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	27/5/2022	Quản lý lớp học tốt là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng đối với giảng viên vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của sinh viên. Nghiên cứu mô tả định lượng thông qua phương pháp điều tra bằng an-kết phiếu điều tra đóng 5 mức Likert được thực hiện tại trường Đại học Luật Hà Nội để so sánh quan điểm cách quản lý lớp học của giảng viên và cảm nhận của sinh viên về 4 cách quản lý lớp học; đó là độc đoán, cộng tác, dân chủ, và trao quyền. Kết quả đã chỉ ra rằng có sự mâu thuẫn về cách quản lý lớp học của giảng viên như không có sự đồng nhất quan điểm về cách quản lý lớp học độc đoán; trong khi giảng viên không thích cách quản lý này thì sinh viên không tỏ rõ quan điểm của mình. Kết quả ghi nhận sự tương đồng giữa hai quan điểm về cách quản lý lớp học cộng tác và dân chủ. Nhưng có sự đối lập hoàn toàn về cách quản lý lớp học trao quyền. Giảng viên rất muốn trao quyền tự chủ, tự quyết cho sinh viên về các hoạt động học tập cũng như kết quả học tập, nhưng sinh viên không đồng tình với quan điểm này và cho rằng giảng viên mới phải là người điều phối, chịu trách nhiệm về kết quả học tập của sinh viên. Phong cách học cộng tác được sinh viên đánh giá cao.
Ngày hoàn thiện:	14/6/2022	
Ngày đăng:	14/6/2022	
TỪ KHÓA		
Quản lý lớp học		
Giáo dục đại học		
Độc đoán		
Dân chủ		
Tự chủ		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6062>

* Corresponding author. Email: tuannv@hlu.edu.vn

1. Giới thiệu

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trong thời đại 4.0 đòi hỏi các nhà giáo dục phải tạo ra những thế hệ người học đáp ứng được những yêu cầu nêu trên. Mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 29-NQ/TW đã nêu rõ “Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế” [1, tr. 4]. Để đáp ứng được mục tiêu cụ thể nêu trên, các trường đại học phải thay đổi môi trường đào tạo của mình nhằm mang đến một không gian học thuật hiệu quả hướng đến hoạt động dạy và học của nhà trường. Hiện nay, có rất nhiều nghiên cứu [2] - [7] đã xem xét vai trò của môi trường đào tạo ảnh hưởng đến kết quả của người học nhưng những nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào những vấn đề chung mà không nghiên cứu chi tiết về một đối tượng cụ thể nào đó, và thường chỉ tập trung vào nghiên cứu ở phổ thông còn trên hệ đại học thì những nghiên cứu như vậy không được quan tâm nhiều.

Trên thực tiễn, giảng dạy liên quan đến rất nhiều nhân tố như là môi trường lớp học, chương trình, hoặc chính sách giáo dục. Trong đó, nhân tố quyết định đến sự thành công của hoạt động giảng dạy là vai trò của giảng viên, cụ thể là phong cách quản lý lớp học của giảng viên. Rõ ràng mối quan hệ liên nhân cách giữa giảng viên và sinh viên có tác động trực tiếp đến kết quả học tập của sinh viên hay nói cách khác là sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên trên lớp học sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập đã được xác định theo chuẩn đầu ra của môn học [8]. Phương pháp giáo dục hiện tại đã thay đổi từ giảng viên làm trung tâm sang người học làm trung tâm có nghĩa rằng vai trò tự chủ trong học tập đóng vai trò tiên quyết đối với người học hiện nay [8], [9]. Đặc biệt là trong hình thức đào tạo tín chỉ như hiện nay thì người học hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc học của mình để phục vụ cho nhu cầu và mục đích của mình.

Trong thực tế, môi trường lớp học thân thiện và hoà đồng đảm bảo và tạo ra bầu không khí tích cực, chủ động cho các hoạt động học tập được diễn ra hiệu quả và chất lượng học được nâng cao hơn [10]. Hiệu quả thực tiễn giữa cách quản lý lớp học và các kỹ thuật học đường giúp cho nhà giáo dục tạo ra môi trường văn hoá đam mê học tập, cạnh tranh cùng tiến bộ giữa sinh viên với nhau. Như vậy, môi trường học tập tích cực phụ thuộc phần lớn vào việc giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy để cân bằng, hài hoà giữa việc quản lý lớp học với sự khác biệt về tính cách giữa giảng viên với sinh viên, và sinh viên với sinh viên trong quá trình học tập. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả tập trung làm rõ về cách quản lý lớp học của giảng viên đối với sinh viên trong và ngoài môi trường giáo dục. Richards và Schidt [11] nêu ra định nghĩa về quản lý lớp học đó là thái độ sinh viên, các hoạt động hoặc sự tương tác trong lớp học được tổ chức và kiểm soát bởi giảng viên, hoặc đôi khi chính là học viên, nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi cho hoạt động học tập và giảng dạy được diễn ra một cách có hiệu quả nhất. Có thể hiểu rằng, quản lý lớp học bao gồm các tiên trình được thiết kế cho các nhóm sinh viên với các hoạt động học khác nhau, sử dụng giáo án, kết hợp với các giáo cụ trực quan, điều khiển và định hướng các hoạt động cũng như thái độ của sinh viên khi tham gia vào lớp học. Norris [12] thì khẳng định rằng quản lý lớp học được ví như là đặc trưng của môi trường xã hội, cảm xúc, và giao tiếp vật lý nơi mà giảng viên được cảm nhận có quyền lực, tự tin trong trường hợp mà giảng viên có một giáo án tốt, có sự chuẩn bị bài giảng kỹ lưỡng, hiệu quả cho từng tiên trình giảng dạy và kỹ thuật lớp học. Đây là những nhân tố quyết định đến sự thành công của việc dạy và học trong nhà trường.

Quản lý lớp học về cơ bản bị ảnh hưởng bởi chính giảng viên trong việc sử dụng cách quản lý lớp học, những cách quản lý này có tác động trực tiếp lên sinh viên có thể là tốt hoặc không tốt dẫn đến kết quả học tập của sinh viên sẽ bị ảnh hưởng liên đới, do tinh thần của sinh viên bị

chỉ phối bởi không khí lớp học do người thầy quyết định. Trên thực tế, có rất ít những nghiên cứu về cách quản lý lớp học ở cấp độ đại học [3], [5], điều này có thể chủ quan nhận định rằng ở cấp độ đại học, sự trưởng thành trong cách nghĩ của sinh viên sẽ điều chỉnh và thích ứng tốt cách điều khiển lớp học của giảng viên. Theo quan điểm của Lewin [10], quản lý lớp học có 3 cách đó là độc đoán, dân chủ, và phó mặc cho sinh viên. Tuy vậy, Giang và Nga [3] thì lại đưa ra quan điểm mở rộng hơn với 5 cách quản lý lớp học của giảng viên, cụ thể là cách quản lý độc đoán, chuyên quyền, dân chủ, phó mặc, và phong cách chiết trung. Những cách quản lý lớp học này được nêu ra trong một nghiên cứu về sự hài hoà mối quan hệ thầy-trò, và cách quản lý lớp học của giảng viên ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Mặc dù vậy, nghiên cứu [3] không đi vào sự tương phản quan điểm của sinh viên chịu sự tác động của giảng viên và cũng không nêu rõ được đặc điểm của 5 cách quản lý của lớp học của giảng viên. Ngoài ra, nghiên cứu [13] trước đây đã đánh giá sự tác động của 4 phong cách quản lý lớp học của giảng viên đến kết quả học tập của sinh viên, nhưng tác giả chưa làm rõ được sinh viên thích phong cách quản lý lớp học nào nhất trong 4 phong cách quản lý lớp như vậy. Chính vì vậy, nghiên cứu này cũng tập trung vào 4 cách quản lý của giảng viên đó là cách quản lý lớp học độc đoán, cộng tác, dân chủ, và trao quyền; nhóm tác giả so sánh, đối chiếu quan điểm giữa giảng viên và sinh viên để tìm ra sự khác biệt giữa hai quan điểm nhằm cung cấp thông tin tham khảo và là cơ sở để các nhà giáo dục thay đổi phương pháp sư phạm nhằm tăng cường hiệu quả của việc quản lý lớp học hướng đến kết quả học tập tốt cho sinh viên. Sự so sánh tương phản này chưa được nghiên cứu ở những bài viết trước đây [2], [6], [14]; bởi vậy, kết quả bài viết này sẽ cung cấp bức tranh toàn cảnh về cách quản lý lớp học của giảng viên, sự cảm nhận của sinh viên về cách quản lý giảng viên ảnh hưởng đến tâm thức sinh viên và kết quả học tập của người học. Nghiên cứu này được thực hiện để trả lời hai câu hỏi đề xuất dưới đây:

1. Quan điểm của sinh viên có tương đồng với mong muốn quản lý lớp học của giảng viên không?
2. Sinh viên có xu hướng thích phong cách quản lý lớp học nào của giảng viên?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả định lượng thông qua phương pháp điều tra bằng an-kết phiếu điều tra đóng 5 mức Likert được thực hiện tại trường Đại học Luật Hà Nội trong học kỳ 2 năm học 2021-2022 để so sánh quan điểm cách quản lý lớp học của giảng viên và cảm nhận của sinh viên về 4 cách quản lý lớp học. Nhóm tác giả đã sử dụng phiếu điều tra với 2 nhóm đối tượng đó là 169 giảng viên và 385 sinh viên thông qua phương pháp lựa chọn mẫu thuận tiện theo công thức chọn mẫu Slovin đối với giảng viên và Cochran [15] đối với sinh viên. Nhóm nghiên cứu xây dựng 2 bảng câu hỏi cho giảng viên và sinh viên dựa trên 4 cách quản lý lớp học của giảng viên đó là cách quản lý độc đoán, cộng tác, dân chủ, và trao quyền. Người tham gia khảo sát có quyền từ chối tham gia và được bảo mật về thông tin. Dữ liệu thô được sàng lọc và xử lý đảm bảo các phiếu trả lời hợp quy chuẩn trước khi dữ liệu sạch được đưa vào phân tích sử dụng phần mềm thống kê IBM SPSS v.25.

2.2. Người tham gia khảo sát

Nghiên cứu điển hình này được thực hiện tại trường Đại học Luật Hà Nội, sử dụng công thức Slovin ($n = \frac{N}{1 + N \cdot e^2}$; $e = 0,05$) và mẫu định ngạch để lựa chọn mẫu khảo sát. Đối với giảng viên 169 giảng viên được lựa chọn trên tổng số dự kiến 229 giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy trên lớp. Nghiên cứu được tham gia bởi 68 giảng viên nam chiếm 40,2% và 101 giảng viên nữ chiếm 59,8%. Trình độ học vấn cao nhất đó là 17 Phó giáo sư (12,1%), 50 Tiến sĩ (35,5%), 74 Thạc sĩ (52,5%), không có Giáo sư hay Cử nhân tham gia vào nghiên cứu này. Khi xem xét đến quá trình công tác, 12 giảng viên có dưới 5 năm tham gia giảng dạy chiếm 7,1%, dưới 10 năm có 72 giảng viên (42,6%), dưới 15 năm có 47 giảng viên (27,8%), dưới 20 năm có 20 giảng viên

(11,8%), và trên 20 năm có 18 giảng viên (10,7%). Mẫu nghiên cứu giảng viên được phân bổ đều 8 khoa trong trường theo định ngạch nghiên cứu.

Để lựa chọn mẫu sinh viên, nhóm nghiên cứu xác định quần thể mẫu 7000 sinh viên chính quy đang theo học tại trường. Do không xác định được cụ thể số lượng sinh viên tham gia, nhóm nghiên cứu sử dụng công thức Cochran [14] để xác định 385 mẫu, bao gồm 258 sinh viên nữ (67,0%), và 127 sinh viên nam (33,0%). Đối tượng tham gia khảo sát thuộc 4 khoa đang đào tạo tại trường, cụ thể đó là khoa 43 có 32 sinh viên chiếm 8,3%; khoa 44 có 69 sinh viên (17,9%); khoa 45 có 147 sinh viên (38,2%); khoa 46 có 137 sinh viên (35,6%). Các mẫu khảo sát sinh viên này thuộc 4 chuyên ngành đào tạo của trường đó là chuyên ngành Luật có 184 mẫu (47,8%); Luật Kinh tế, 88 sinh viên (22,9%); Luật Thương mại Quốc tế, 80 sinh viên (20,8%); Ngôn ngữ Anh, 33 sinh viên (8,6%).

2.3. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu định lượng sử dụng phiếu câu hỏi được xây dựng bởi nhóm nghiên cứu dựa trên 4 cách quản lý lớp học đó là cách quản lý độc đoán, cộng tác, dân chủ, và trao quyền. Các câu hỏi được thiết kế theo tiêu chí câu hỏi về thái độ do Dornyei và Taguchi [16] đề xuất xây dựng, kết hợp với thang đo Likert với 5 mức (1) Rất không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Trung lập; (4) Đồng ý; (5) Rất đồng ý. Sau khi nhóm nghiên cứu xây dựng xong phiếu khảo sát, các phiếu khảo sát này được gửi đến 2 chuyên gia về quản lý giáo dục và tâm lý để thẩm định nội dung câu hỏi. Tiếp đến phiếu khảo sát được thực hiện với nhóm tình nguyện gồm có 10 giảng viên và 32 sinh viên nhằm mục đích đảm bảo độ tin cậy các câu hỏi trong phiếu khảo sát. Sử dụng giá trị Alpha mức tin cậy chấp nhận ($0,8 > \alpha \geq 0,7$) [17], nhóm nghiên cứu đã tinh chỉnh và loại bỏ đi những câu hỏi không đạt mức chuẩn, và bản câu hỏi cuối cùng bao gồm 12 câu cho giảng viên và 12 câu hỏi cho sinh viên. Những câu hỏi này được tham khảo ý kiến chuyên gia lần cuối trước khi đưa vào nghiên cứu thực tế.

2.4. Phân tích dữ liệu

Nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm thống kê IBM SPSS v.25 để xử lý kết quả dữ liệu định lượng. Cụ thể, tính tần suất, mức trung bình được sử dụng để phân tích thông tin của giảng viên và sinh viên. Thang đo Likert được sử dụng để xác định quan điểm đánh giá của đối tượng nghiên cứu trong phần chính của phiếu khảo sát điều tra bao gồm 12 câu hỏi đó là rất thấp (1,0 – 1,8); thấp (1,81 – 2,6); trung bình (2,61 – 3,4); cao (3,41 – 4,2); rất cao (4,21 – 5,0). Ngoài ra, phương pháp so sánh tương quan được sử dụng để xác định cách quản lý lớp học của giảng viên theo quan điểm của sinh viên.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Cách quản lý lớp học độc đoán

Có sự khác biệt khi so sánh đánh giá của sinh viên và giảng viên về cách quản lý lớp học độc đoán. Giảng viên thì đánh giá thấp về cách quản lý lớp học này. Họ cho rằng, nếu một sinh viên mà không tuân thủ nội quy lớp học thì sinh viên đó sẽ bị mời ra khỏi lớp mà không cần tìm hiểu rõ nguyên nhân tại sao ($M = 2,05$; $SD = 0,67\%$ - $M = \text{trung vị}$; $SD = \text{Độ lệch chuẩn}$). Giảng viên cũng không đồng ý quan điểm rằng cần có không gian yên tĩnh cho việc học của lớp mình ($M = 1,98$; $SD = 0,52\%$). Bên cạnh đó, họ cho rằng không thể chấp nhận được những lý do sinh viên đưa ra khi sinh viên đến muộn ($M = 2,08$; $SD = 0,56\%$). Ngược lại, sinh viên không tỏ rõ quan điểm của mình về cách quản lý lớp học này của giảng viên. Sinh viên cho rằng họ vẫn học tốt bài học của mình cho dù giảng viên phạt họ mà không có trao đổi thêm về nguyên nhân bị phạt trên lớp ($M = 2,13$; $SD = 0,74\%$). Khi xem xét về sự tác động khách quan như tiếng ồn, sinh viên mong muốn rằng họ sẽ học tốt hơn nếu giảng viên đảm bảo lớp học trong môi trường yên tĩnh ($M = 2,17$; $SD = 0,66\%$). Bên cạnh đó, sinh viên cũng xác nhận rằng họ vẫn học tốt khi giảng viên không chấp nhận lý do đến lớp học muộn ($M = 2,12$; $SD = 0,86\%$). Nhìn chung, sự lựa chọn của

người tham gia nghiên cứu là khá tương đồng, có nghĩa là họ có quan điểm gần giống nhau thông qua chỉ số độ lệch chuẩn đều dưới 1,0%. Cách quản lý lớp học độc đoán có cách gọi khác đó là 'huấn luyện', 'quyền lực' hay 'chuyên quyền'. Cách quản lý lớp học này có đặc điểm đó là dựa trên các nguyên tắc hành vi, được cụ thể rành mạch tại sao một số ứng xử trên lớp được chấp nhận và các ứng xử khác không được chấp thuận [10]. Như vậy, đòi hỏi sinh viên phải tự phát huy động lực học tập của mình khi tham gia vào các hoạt động trên lớp như thảo luận nhóm, hoặc tự ý thức làm việc cá nhân, tuân thủ các quy định của môn học và lớp học. Để có được tính hiệu quả của cách quản lý lớp học này, sự kết hợp giữa việc giảng bài của giảng viên và thảo luận nhóm sẽ tăng tính hiệu quả của việc tập trung học tập [18]. Tuy vậy, nếu giảng viên lựa chọn nhóm trưởng của các nhóm không tự ý thức cao trong học tập để quản lý nhóm của mình thì kết quả học tập sẽ không như mong đợi. Với phương pháp quản lý lớp học độc đoán, giảng viên sử dụng nội quy môn học một cách cứng nhắc để kiểm soát các hoạt động của sinh viên trong lớp mình. Nói cách khác đó là phương pháp lấy giảng viên làm vai trò trung tâm trong quá trình giảng dạy [19].

3.2. Cách quản lý lớp học cộng tác

Kết quả của nghiên cứu đã chỉ ra rằng giảng viên có quan điểm tích cực về cách quản lý lớp học cộng tác này. Giảng viên khẳng định rằng họ luôn cố gắng giải thích lý do khi họ đưa ra những quy định và quyết định đối với sinh viên ($M = 4,4$; $SD = 0,88\%$). Giảng viên luôn bày tỏ sự quan tâm của mình đối với sinh viên học cái gì và học như thế nào ($M = 4,5$; $SD = 0,53\%$). Với cách quản lý lớp học này, giảng viên luôn hiểu và đồng cảm với sinh viên, cho phép sinh viên được cắt ngang bài giảng nếu sinh viên có thắc mắc gì về bài học của mình ($M = 4,25$; $SD = 0,76\%$). Tương tự, sinh viên cũng có chung quan điểm với giảng viên khi sinh viên đánh giá cao về phong cách quản lý lớp học này. Chính nhờ sự quan tâm của giảng viên về nội dung và phương pháp học tập, sinh viên học được nhiều nhờ có môi trường học tích cực ($M = 3,9$; $SD = 0,65\%$). Bên cạnh đó, sinh viên cũng cảm thấy tư tưởng thoải mái và học được nhiều hơn vì mọi quy định cũng như quyết định của giảng viên đều được viện dẫn minh bạch ($M = 3,9$; $SD = 0,76\%$). Sinh viên cũng thừa nhận rằng việc cho phép họ được đưa ra những thắc mắc, những nghi vấn trong quá trình học trên lớp mang lại hiệu quả học tập tốt hơn đối với họ ($M = 4,15$; $SD = 0,72\%$). Với phương pháp quản lý lớp học cộng tác như trên, không khí lớp học luôn mang đến những trải nghiệm năng động tích cực với sinh viên. Sinh viên luôn thấy được những hành vi của mình thông qua việc giải thích của giảng viên về mọi điều trên lớp học [11], [17]. Những thắc mắc của mình luôn được giảng viên đồng cảm và tôn trọng điều này giúp sinh viên mạnh dạn bày tỏ các quan điểm cá nhân khi có điều chưa được làm sáng tỏ trong quá trình học. Bầu không khí tương tác sẽ làm cho giảng viên và sinh viên hiểu rõ về nhau hơn, từ đó giảng viên nắm bắt được những ưu và nhược điểm của từng sinh viên để có phương pháp sư phạm hiệu quả áp dụng với từng học viên [1], [7], [11], [17].

3.3. Cách quản lý lớp học dân chủ

Xét về quan điểm của giảng viên, kết quả đã chỉ ra rằng họ không mong muốn áp đặt bất kỳ quy tắc hay nội quy lớp học nào đối với sinh viên ($M = 3,8$; $SD = 0,56\%$). Ngay cả khi sinh viên nộp bài tập muộn hơn so với quy định thì điều này cũng được chấp nhận và giảng viên cho rằng không phải lỗi của sinh viên khi nộp bài tập muộn ($M = 4,4$; $SD = 0,86\%$). Trong quá trình lên lớp, khi sinh viên yêu cầu xin ra ngoài, giảng viên luôn cho phép mà không cần biết mục đích xin phép ra ngoài của sinh viên để làm gì ($M = 4,3$; $SD = 0,82\%$). Sinh viên đánh giá cao về cách quản lý lớp học dân chủ của giảng viên. Sinh viên ghi nhận rằng nếu giảng viên không trách mắng hay quở trách sinh viên trong quá trình giảng dạy, sinh viên sẽ học tập tốt hơn vì cảm thấy mình được tôn trọng, được thừa nhận mọi hành vi trong lớp học ($M = 3,9$; $SD = 0,66\%$). Chính vì học trong bầu không khí dân chủ, những nội quy lớp học thường không được chú trọng, hay quan điểm giảng viên và sinh viên bình đẳng trong các hoạt động của lớp học đã mang lại kết quả học

tập khả quan đối với sinh viên ($M = 3,7$; $SD = 0,71\%$). Ngoài ra, sinh viên cũng đánh giá cao về cách giảng viên ghi nhận những biện hộ cho các hành động của mình ($M = 3,9$; $SD = 0,80\%$). Nói về cách quản lý lớp học dân chủ, ranh giới phân biệt giữa giảng viên và sinh viên không thực sự rõ ràng, có nghĩa rằng giảng viên không sử dụng nội quy, quy định áp đặt đối với sinh viên. Mọi vấn đề liên quan đến lớp học được công khai, tường minh trao đổi trên lớp. Giảng viên cố gắng tránh làm mất thể diện của sinh viên và thường cho rằng mình phải chịu trách nhiệm về những lỗi hành vi cư xử chưa chuẩn mực của sinh viên là do sự quan tâm của giảng viên chưa đủ, chưa thấu đáo đối với sinh viên. Mặt trái của sự thiếu vắng những kỷ luật lớp học này đó là sinh viên không đạt được kết quả cao trong học tập do thiếu đi áp lực và bầu không khí cạnh tranh, ganh đua trong lớp học [1], [6], [8], [12].

3.4. Cách quản lý lớp học trao quyền

Đối với cách quản lý này, giảng viên bày tỏ quan điểm khá cao về cách quản lý lớp học trao quyền cho sinh viên. Giảng viên hoàn toàn né tránh không làm tổn thương đến cảm xúc của sinh viên thông qua việc trách mắng bất kỳ hành động nào của người học ($M = 4,3$; $SD = 0,54\%$). Giảng viên cho rằng việc tự ý thức hành động và tự chịu trách nhiệm điều chỉnh hành động của mình thuộc về sinh viên, nên giảng viên không sử dụng đến hoặc thậm chí đề cập đến các nội quy, quy định về học tập trên lớp học. Sinh viên toàn quyền tự do hành động theo ý thích của mình trên lớp học ($M = 4,0$; $SD = 0,84\%$). Hơn nữa, quan điểm của giảng viên cho rằng việc chuẩn bị giờ học đối với sinh viên hay giảng viên là không cần thiết vì phó mặc tự do trong quá trình dạy và học ($M = 4,5$; $SD = 0,50\%$). Tuy nhiên, sinh viên có quan điểm không tương đồng với giảng viên, nói cách khác đó là đối lập với giảng viên khi sinh viên cho rằng kỷ luật lớp học phải được tôn trọng và giảng viên phải là người chịu trách nhiệm đối với kết quả học tập của sinh viên ($M = 3,7$; $SD = 0,55\%$). Giảng viên có trách nhiệm giám sát và đảm bảo tiến độ học tập theo đúng đề cương môn học như bài tập nhóm hay bài tập cá nhân, phải tuân thủ theo đúng lộ trình ($M = 4,0$; $SD = 0,69\%$). Sinh viên cho rằng việc chuẩn bị bài học trước khi đến lớp là điều cần thiết và phải được thông báo trước để sinh viên chuẩn bị bài học tốt trước khi đến lớp ($M = 3,8$; $SD = 0,70\%$). Đối với cách quản lý lớp học trao quyền, giảng viên có xu hướng tạo điều kiện tốt nhất và ưu việt nhất để sinh viên có thiện cảm với giảng viên, không chú trọng đến nội quy, quy định của lớp học và sự phân định vai trò người thầy và người học. Giảng viên chuyên tâm tạo môi trường hài hoà, tránh xung đột hay áp lực đối với sinh viên, phó mặc hoàn toàn mọi hoạt động học hay làm việc nhóm cho sinh viên tự quyết. Kết quả chỉ ra rằng sinh viên không thực sự hài lòng và thích cách quản lý lớp học trao quyền vì sinh viên không có động lực để phát huy hay áp lực học tập để tự tìm hiểu, tìm tòi kiến thức phát huy tính tự chủ trong học tập [3]. Cách quản lý lớp học trao quyền chỉ phù hợp với sinh viên có sự đam mê hay động lực học cao khi đã hình thành thói quen tự chủ trong mọi hành động [9], [10], [19].

Bảng 1 trình bày quan điểm của sinh viên với cách quản lý lớp học của giảng viên. Hầu như sinh viên thích phong cách quản lý lớp học cộng tác giữa thầy và trò trên lớp học. So sánh chung với thông tin ở trong mục cách quản lý lớp học cộng tác ở trên, như vậy có sự tương đồng về kết quả đó là giảng viên và sinh viên đều đánh giá cao phong cách quản lý cộng tác lớp học này.

Bảng 1. Đánh giá mức độ của sinh viên về phong cách quản lý lớp học của giảng viên

Cách quản lý lớp học của giảng viên	Tần suất	Phần trăm	Thứ hạng
Trao quyền	46	11,9	4
Dân chủ	62	16,1	2
Cộng tác	223	57,9	1
Độc đoán	54	14,1	3
Tổng số	385	100,0	

4. Kết luận

Nghiên cứu cách quản lý lớp học của giảng viên đã mang lại những hiểu biết sâu sắc hơn về sự giao tiếp liên nhân cách giữa con người và con người để tạo ra hiệu quả của công việc. Nghiên cứu này đã xem xét về sự tác động cách quản lý lớp học của giảng viên lên kết quả học tập của sinh viên thông qua 4 cách quản lý lớp học tiêu biểu đó là cách quản lý lớp học độc đoán, cộng tác, dân chủ, và trao quyền. Quan điểm của giảng viên đánh giá cao về một số cách quản lý lớp học nêu trên nhưng sinh viên lại không hoàn toàn đồng nhất quan điểm với giảng viên về cách quản lý lớp học. Trong khi giảng viên không thích cách quản lý lớp học độc đoán thì sinh viên không bày tỏ rõ quan điểm của mình. Với phong cách quản lý lớp học này, giảng viên chú trọng kiểm soát mọi hoạt động học tập của sinh viên và sinh viên hoàn toàn phụ thuộc vào sự chỉ dẫn của giảng viên. Cả giảng viên và sinh viên đều đánh giá cao và cảm thấy cách quản lý lớp học cộng tác mang lại bầu không khí thoải mái cho cả người học và người dạy. Sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên được chú trọng thông qua sự hoà đồng chia sẻ mọi khúc mắc trong quá trình học. Khoảng cách giữa giảng viên và sinh viên được thu hẹp và hầu như không thấy được sự phân biệt khi giảng viên tôn trọng, lắng nghe và đồng cảm với những vấn đề mà sinh viên trao đổi. Cách quản lý lớp học cộng tác nâng cao thành tích dạy và học trong môi trường học tập. Bên cạnh đó, cách quản lý lớp học dân chủ, giảng viên hầu như không quan tâm hay áp dụng nhiều đến các nội quy, quy định lớp học. Giảng viên cho phát triển quyền tự do trong học tập, không có sự cạnh tranh hay ganh đua giữa sinh viên với nhau, và sự lỏng lẻo về tiến trình giảng dạy theo lộ trình đề cương môn học. Với phong cách dân chủ, giảng viên cố gắng xây dựng một môi trường hài hoà, thân thiện, tránh mọi xung đột hay áp lực đối với sinh viên. Tuy vậy, sinh viên không thích phong cách này do sinh viên không gặp thử thách nào trong học tập và động lực học của sinh viên hầu như không có do không phải cạnh tranh hay áp lực học tập. Khi xem xét về cách quản lý lớp học trao quyền, giảng viên mong muốn được trao quyền tự chủ học tập đối với sinh viên, có nghĩa là sinh viên tự chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về kết quả học tập của mình. Mặt khác sinh viên hoàn toàn đối lập với quan điểm của giảng viên khi mong muốn rằng giảng viên là người quản lý chịu trách nhiệm về kết quả học tập của sinh viên. Với cách quản lý này chỉ phù hợp với sinh viên đã quen với tính tích cực, tự chủ cao trong học tập. Từ những phát hiện nêu trên, giảng viên nên phát huy phong cách giảng dạy cộng tác nhằm tạo bầu không khí lớp học tốt hơn để có được hiệu quả học tập cao hơn đối với sinh viên.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường "Ảnh hưởng cách quản lý lớp học của giảng viên đến kết quả học tập của sinh viên tại Trường Đại học Luật Hà Nội", Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2022.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Central Committee of the Communist Party of Vietnam, "Resolution on "Fundamental and Comprehensive Innovation in Education, Serving Industrialization and Modernization in a Socialist-oriented Market Economy during International Integration" Ratified in the 8th session," 2013. [Online]. Available: <https://vanbanphapluat.co/resolution-no-29-nq-tw-fundamental-and-comprehensive-innovation-in-education>. [Accessed March 18, 2022].
- [2] J. P. Barile, D. K. Donohue, and E. R. Anthony, "Teacher-Student Relationship Climate and School Outcomes: Implications for Educational Policy Initiatives," *Journal of Youth and Adolescence*, vol. 41, no. 1, pp. 256-267, Mar. 15th, 2012. [Online]. Available: <https://doi.org/10.1007/s10964-011-9652-8>. [Accessed March 18, 2022].
- [3] T. K. G. Bui and T. T. N. Tran, "Classroom Management Styles and Teacher-Student Relationship Congruency: Its Influence on Student Learning Outcomes," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 199, no. 6, pp. 11-16, May 10th, 2019. [Online]. Available: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.2019.06.333>. [Accessed March 18, 2022].

-
- [4] L. Jung-Sook, "The Effects of the Teacher-student Relationship and Academic Press on Student Engagement and Academic Performance," *International Journal of Educational Research*, vol. 53, no. 1, pp. 330-340, May 15th, 2012. [Online]. Available: <https://doi.org/10.1016/j.ijer.2012.04.006>. [Accessed March 18, 2022].
- [5] K. Lewin, "Patterns of Aggressive Behavior in Experimentally Created Social Climates," *Journal of Social Psychology*, vol. 10, no. 2, pp. 271-299, May 1999. [Online]. Available: https://tu-dresden.de/mn/psychologie/ipep/lehrlern/ressourcen/dateien/lehre/lehramt/lehrveranstaltungen/Lehrer_Schueler_Interaktion_SS_2011/Lewin_1939_original.pdf?lang=en. [Accessed March 18, 2022].
- [6] T. N. Cao, "Psychological interaction in the classroom between lecturers and students at university," Unpublished Doctoral Dissertation, Code: 62.31.04.01, Vietnam Academy of Social Sciences, 2016.
- [7] P. Benson, "Learner Autonomy," *TESOL Quarterly*, vol. 47, no. 4, pp. 839-843, Sep. 3rd, 2013. [Online]. Available: <https://doi.org/10.1002/tesq.134>. [Accessed March 18, 2022].
- [8] J. Schreurs and R. Dumbraveanu, "A Shift from Teacher Centered to Learner Centered Approach," *International Journal of Engineering Pedagogy (iJEP)*, vol. 4, no. 3, pp. 36-41, Jun. 12th, 2014. [Online]. Available: <http://dx.doi.org/10.3991/ijep.v4i3.3395>. [Accessed March 18, 2022].
- [9] Ministry of Education and Training, "No. 17/2021/TT-BGDDT. Circular on providing for standards and formulation, Appraisal and Promulgation of Training Programs of Higher Education," Jun. 22nd, 2021. [Online]. Available: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=7379>. [Accessed March 18, 2022].
- [10] H. Q. Pham, *Education environment*. Vietnam Education Publishing House, 2006.
- [11] J. C. Richards and R. W. Schmidt, "Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics (4th ed.)," *Routledge*, p. 81, Oct. 2014. [Online]. Available: <https://doi.org/10.4324/9781315833835>. [Accessed March 18, 2022].
- [12] J. A. Norris, "Looking at Classroom Management through a Social and Emotional Learning Lens," *Theory into Practice*, vol. 42, no. 4, pp. 313-318, 2003. [Online]. Available: www.jstor.org/stable/1477394. [Accessed March 18, 2022].
- [13] V. T. Vu, T. H. Nhac and N. B. M. La, "Teacher-Student Relationship Harmony and Student Learning Outcomes Imprinted by Teacher Classroom Management Styles at a Higher Education Institution," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 13, pp. 36-42, Jun. 9, 2021. [Online]. Available: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4313>. [Accessed March 18, 2022].
- [14] G. Hagenauer and E. V. Simone, "Teacher-student Relationship at University: An Important yet Under-researched Field," *Oxford Review of Education*, vol. 40, no. 3, pp. 370-388, May 21st, 2014. [Online]. Available: <https://doi.org/10.1080/03054985.2014.921613>. [Accessed March 18, 2022].
- [15] W. G. Cochran, *Sampling techniques* (3rd ed.). New York: John Wiley & Sons, 1977.
- [16] Z. Dornyei and T. Taguchi, *Questionnaires in Second Language Research: Construction, Administration and Processing* (2nd ed.). New York: Routledge, 2010.
- [17] L. J. Cronbach, "Coefficient Alpha and the Internal Structure of Tests," *Psychometrika*, vol. 16, no. 1, pp. 297-334, Feb 28th, 1951. [Online]. Available: <https://doi.org/10.1007/BF02310555>. [Accessed March 18, 2022].
- [18] H. Gehlbach, M. E. Brinkworth, and A. D. Harris, "Changes in Teacher-student Relationships," *British Journal of Educational Psychology*, vol. 82, no. 1, pp. 690-704, Dec. 22nd, 2012. [Online]. Available: <https://doi.org/10.1111/j.2044-8279.2011.02058.x>. [Accessed March 18, 2022].
- [19] T. T. A. Nguyen, T. N. N. Thu, T. K. O. Dinh, and V. T. Nguyen, "Factors affecting the learning results of students in the 1st and 2nd years of Can Tho University of Technology and Technology," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 46, no. 1, pp. 82-89, Oct. 26, 2016. [Online]. Available: <https://dx.doi.org/10.22144/ctu.jvn.2016.560>. [Accessed March 18, 2022].